

TÓM TẮT TIỂU SỬ DANH NHÂN VÀ Ý NGHĨA ĐỊA DANH CỦA DANH MỤC THUYẾT MINH VỊ TRÍ
(Kèm theo Nghị quyết số 154 /2017/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
1	Nguyễn Chí Thanh	Ông Nguyễn Chí Thanh (1914 - 1967) quê thôn Niêm Phò, huyện Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên, tham gia cách mạng lúc 17 tuổi, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, lần lượt giữ chức Bí thư Chi bộ, Tỉnh ủy viên Thừa Thiên, Khu ủy Liên khu 4, Ủy viên Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị rồi Bí thư Trung ương cục miền Nam. Ông bị Pháp bắt năm 1943 đến 1945 được tự do. Trong kháng chiến chống Pháp và Chông Mỹ, ông là Ủy viên Hội đồng Quốc phòng, được phong quân hàm Đại tướng. Ông là một cán bộ lãnh đạo có tài năng, nhiều nghị lực tạo nhiều thắng lợi. Do đó ông được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều Huân chương cao quý khác.	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
2	Trần Hưng Đạo	Hưng Đạo vương là tước hiệu của ông Trần Quốc Tuấn (1232 - 1300), con An Sinh vương Trần Liễu, cháu gọi vua Trần Thái Tông bằng chú, ông là một vị anh hùng dân tộc, tài kiêm văn võ. Năm 1257 quân Nguyên Mông sang đánh nước ta lần thứ nhất ông được cử cầm quân chặn giữ phía Bắc. Năm 1285 chúng sang đánh nước ta lần thứ hai và năm 1287 – 1288 chúng sang đánh lần thứ ba, ông được cử làm Tiết chế thống lĩnh toàn quân tiến hành cuộc kháng chiến đến toàn thắng. Để huấn luyện tướng sĩ và cổ vũ tinh thần yêu nước, cương quyết chiến đấu, ông soạn sách Binh thư yếu lược và Hịch tướng sĩ còn lưu truyền đến nay. Ông là vị tướng tài, trọn đời trung quân ái quốc, biết quên thù riêng vì lợi ích chung, biết tiến thoái đúng lúc, biết áp dụng chiến thuật vườn không nhà trống, đánh phục kích, biết tập hợp lực lượng dân binh với quân chính quy, biết lo đến đời sống của dân chúng để tạo gốc rễ bền vững lâu dài cho Quốc gia.	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
3	Ngô Gia Tự	Ông Ngô Gia Tự (1908 - 1935) quê làng Tam Sơn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc, học Trường Bưởi ở Hà Nội, tham gia các cuộc đấu tranh bị đuổi học. Năm 1926 ông gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, sang Quảng Châu – Trung Quốc dự lớp huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc tổ chức. Năm 1927 ông trở về hoạt động, tổ chức cơ sở ở Bắc Ninh, Bắc Giang. Năm 1930 ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương, vào Nam hoạt động, bị bắt ở Sài Gòn và bị kết án chung thân đày đi Côn Đảo. Đầu năm 1935, Đảng bộ nhà tù quyết định cho ông vượt biển về đất liền, không may thuyền bị đắm, ông hy sinh.	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
4	Huỳnh Công Sính	Ông Huỳnh Công Sính sinh năm 1909, tại xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Trú quán xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Ngày vào Đảng 1930. Nguyên là: đảng viên, Trưởng An ninh xã Long Điền, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Tham gia cách mạng năm 1930, hy sinh ngày 19 tháng 11 năm 1958. Ông thuộc lớp người đầu tiên tham gia thành lập Đảng vùng Long Xuyên nay là tỉnh An Giang. Dưới danh nghĩa “thầy thuốc” lưu động, đi khắp nơi bắt mạch ra đơn hốt thuốc nhưng thực chất để hoạt động cách mạng.	Hội Khoa học Lịch sử huyện

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
		<p>Tháng 8 năm 1945, ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền trong cuộc Cách mạng Tháng Tám tại xã Long Điền, Quận Chợ Mới, An Giang. Được phân công là Trưởng ban An Ninh xã.</p> <p>Năm 1946, Pháp trở lại xâm lược Việt Nam, trong đó có Quận Chợ Mới. Ông được tổ chức bố trí sang công tác tại vùng Bình Thành để tiếp tục chỉ đạo công tác qua xã Long Điền.</p> <p>Năm 1953, Ông được tổ chức phân công vào làm Bí thư kiêm Chủ tịch UBND xã Tân Phú B.</p> <p>Lịch sử của địa phương ghi nhận rằng ông từng là Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính xã, trong một lần tham gia công tác Dân địch vận và Tôn giáo vận do Tỉnh ủy tổ chức, ông Huỳnh Công Sính bị giặc phát hiện và bao vây. Ông đã kiên cường chống trả, bị chúng bắn bị thương rồi bắt sống mổ bụng phơi xác suốt ba ngày để thị uy.</p> <p>Ông Huỳnh Công Sính đã trở thành biểu tượng sáng ngời và ý chí đấu tranh kiên cường cho lòng yêu nước của người dân nơi này.</p> <p>Ngày 29 tháng 11 năm 2011, Ông được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 đã hy sinh, tại Quyết định số 345-QĐ/TU do Phó Bí thư thường trực Đoàn Quốc Cường ký.</p>	
5	Tràm Chim	<p>Vườn quốc gia Tràm Chim nằm trong vùng Đồng Tháp Mười, thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Tọa độ địa lý 10°40' – 10°47' vĩ Bắc, 105°26' - 105°36' Đông với tổng diện tích 7.313 ha nằm trong địa giới của 5 xã (Phú Đức, Phú Hiệp, Phú Thành B, Phú Thọ, Tân Công Sính) và Thị trấn Tràm Chim, với số dân trong vùng là 30.000 người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 1985, Tràm Chim được Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp thành lập với tên gọi là Công ty Nông Lâm Ngư trường Tràm Chim, với mục đích là trồng tràm và khai thác thủy sản, và vừa giữ lại được một phần hình ảnh của Đồng Tháp Mười xưa. - Năm 1986, loài sếu đầu đỏ (chim hạc, Sếu cổ trụi), được tái phát hiện ở Tràm Chim. - Năm 1991, Tràm Chim trở thành Khu Bảo tồn Thiên nhiên Tràm Chim cấp tỉnh, nhằm bảo tồn loài sếu đầu đỏ (<i>Grus antigone sharpii</i>). - Năm 1994, nơi đây trở thành Khu Bảo tồn Thiên nhiên Tràm Chim, cấp quốc gia, theo Quyết định số 47/TTg ngày 2 tháng 2 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ kèm theo thông tư số 4991/KGVX, với diện tích 7.500 ha. Tháng 9 năm 1998, dự án đầu tư của khu bảo tồn thiên nhiên Tràm Chim được Phân viện Điều tra Quy hoạch Rừng II Thành phố Hồ Chí Minh chỉnh sửa theo đó diện tích khu bảo tồn là 7.313 ha. - Năm 1998, nơi đây trở thành Vườn quốc gia Tràm Chim theo Quyết định số 253/1998/QĐ-TTg, ngày 29 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ. - Ngày 22/5/2012, Vườn quốc gia Tràm Chim (Đồng Tháp) được Ban Thư ký Công ước Ramsar công nhận là khu Ramsar của thế giới. Đây là khu Ramsar 4 của Việt Nam và là khu Ramsar 2.000 của thế giới. 	https://vi.wikipedia.org/wiki/Vườn_quốc_gia_Tràm_Chim
6	Huyền Trân	Huyền Trân Công Chúa là con gái Thượng hoàng Trần Nhân Tông, em gái vua Trần Anh Tông. Năm 1301 Thượng	Sách

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
	Công Chúa	hoàng sang thăm nước Chiêm Thành, ở lại 9 tháng, đi xem danh lam thắng cảnh và quan sát phong tục người Chăm. Cảm động về sự đón tiếp nồng hậu của vua Chiêm là Chế Mân, đồng thời để thắt chặt tình hòa hiếu giữa hai nước, Thượng hoàng thuận gả công chúa cho Chế Mân. Qua Chiêm, công chúa được phong làm hoàng hậu với mỹ hiệu Paramecvari. Được một năm vua Chế Mân qua đời, công chúa được vua Anh Tông sai Trần Khắc Chung đón về để tránh khỏi phải lên giàn hỏa thiêu theo chồng.	Đường phổ nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
7	01 tháng 5	Năm 1883, tại thành phố công nghiệp lớn Chicago , Đại hội Liên đoàn Lao động Mỹ thông qua nghị quyết nêu rõ: "...Từ ngày 1/5/1886, ngày lao động của tất cả các công nhân sẽ là 8 giờ". Sở dĩ ngày 1/5 được chọn bởi đây là ngày bắt đầu một năm kế toán tại hầu hết các nhà máy, xí nghiệp ở Mỹ. Vào ngày này, hợp đồng mới giữa thợ và chủ sẽ được ký. Giới chủ tư bản có thể biết trước quyết định của công nhân mà không thể kiểm soát được. Ngày 1/5/1886, do yêu cầu của công nhân không được đáp ứng một cách đầy đủ, giới công nhân trên toàn nước Mỹ đã tham gia bãi công nhằm gây áp lực buộc giới chủ thực hiện yêu sách của mình. Ngày 20/6/1889, ba năm sau "thảm kịch" tại thành phố Chicago, Quốc tế công sản lần II nhóm họp tại Paris (Pháp). Dưới sự lãnh đạo của Friedrich Engels , Đại hội lần thứ nhất của Quốc tế Cộng sản II đã quyết định lấy ngày 1/5 hàng năm làm ngày biểu dương lực lượng và đấu tranh chung của tầng lớp vô sản các nước.	https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngày_Quốc_tế_Lao_động
8	02 tháng 9	Cách mạng Tháng Tám thành công, Trung ương Đảng phái đồng chí Lê Đức Thọ lên chiến khu đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về Hà Nội. Ngày 25/8/1945, Người về đến ngoại thành Hà Nội và nghỉ tại thôn Phú Gia, xã Phú Thượng, Từ Liêm. Sau đó Người về ở nhà số 48 Hàng Ngang, Hà Nội. Tại cuộc họp của Chính phủ lâm thời, theo đề nghị của Người một chính phủ thống nhất toàn quốc thể hiện ở chính sách đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, các đảng phái yêu nước và những nhân sĩ tiến bộ được thành lập. Buổi trưa ngày 02/9/1945, tại quảng trường Ba Đình – Hà Nội, trong cuộc mít tinh của trên 50 vạn nhân dân Hà Nội và vùng lân cận chào mừng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt chính phủ lâm thời đọc bản tuyên ngôn độc lập tuyên bố với nhân dân Việt Nam và thế giới rằng: Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Tuyên ngôn độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh viết là sự phát triển của bản yêu cầu mà Người đã gửi cho hội nghị hòa bình ở Véc-xây năm 1919, là sự phát triển của chương trình Việt Minh mà Người soạn thảo năm 1941. Nó là kết tinh những quyền lợi cơ bản và những nguyện vọng tha thiết nhất của dân tộc Việt Nam và nói lên tâm hồn trong sáng, khí phách hào hùng của nhân dân ta. Ngày độc lập 02/9/1945 là ngày hội lớn của dân tộc Việt Nam, chấm dứt chế độ thực dân và phong kiến ở nước ta, đồng thời mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên nhân dân ta làm chủ vận mệnh của mình để thực hiện độc lập, tự do và hạnh phúc. Từ đó ngày 02/9 trở thành ngày Quốc khánh của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	http://tinhdoanbinhtuan.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=289:quc-khanh-nc-cng-hoa-xa-hi-ch-ngha-vit-nam&catid=139:nhng-ngay-ln-trong-

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
			nm&Itemid=253
9	Bùi Thị Xuân	Bà Bùi Thị Xuân quê ở Bình Định, vợ tướng Trần Quang Diệu. Bà là một tướng giỏi của nhà Tây Sơn. Năm 1802, khi quân Nguyễn Ánh chiếm xong Phú Xuân, tiến ra Bắc, bà cầm quân án ngữ lũy Đâu Mâu ở Quảng Bình, Bà chỉ huy trận đánh rất oanh liệt, từ sáng đến chiều, chống trả nhiều đợt xung phong của quân địch. Mặc dù địch công kích mạnh, bà vẫn không chịu lui. Nhưng đến khi nghe tin thủy quân Tây Sơn đóng ở sông Gianh bị quân Nguyễn Ánh đánh tan, quân sĩ thất kinh tan rã, bà mới chịu chạy ra Bắc. Bà mới tới Nghệ An thì bị bắt đem về Phú Xuân, bị Gia Long xử tội voi giày cùng với con gái.	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
10	Hai Bà Trưng	Hai bà Trưng tên là Trưng Trắc và Trưng Nhị, con bà Man Thiện, quê ở Phong Châu, dòng dõi Hùng Vương. Bảy giờ nước ta bị nhà Hán bên Trung Quốc sang cai trị. Các quan lại người Tàu hà khắc, tham lam bóc lột dân ta tàn xương tủy. Chồng bà Trưng Trắc là Thi Sách vận động đồng bào chuẩn bị khởi nghĩa. Chẳng may việc bị bại lộ, ông bị Thái thú Tô Định bắt giết. Trước mối thù chồng và nợ nước, bà Trưng Trắc bèn cùng em là Trưng Nhị phát cờ khởi nghĩa năm 40 sau Công Nguyên. Được dân chúng khắp nơi hưởng ứng, đánh đuổi được Tô Định và thu 65 châu thành, cả hai chị em lên làm vua, đóng đô ở Mê Linh, Năm 43, vua Hán sai lão tướng là Mã Viện đem quân sang đánh, hai bà chống không nổi bị thua to, phải gieo mình xuống sông Hát tuần tiết. Cuộc khởi nghĩa của Hai bà Trưng không được lâu dài, nhưng đã nói lên được lòng yêu nước, chí quật cường của nhân dân ta không kẻ trai hay gái.	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
11	Nguyễn Trãi	Ông Nguyễn Trãi (1380 - 1442) hiệu Úc Trai, có trai ông Nguyễn Phi Khanh, cháu ngoại Tư đồ Trần Nguyên Đán, quê Làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông, nay là Hà Nội, đậu Thái học sinh năm 1400 triều nhà Hồ, làm Ngự sử đài Chánh Chương. Khi Hồ Quý Ly và triều thần bị quân Minh bắt về Tàu, trong đó có Nguyễn Phi Khanh, ông theo cha lên đến ải Nam Quan, theo lời khuyên của Cha, ông quay về tìm đường cứu nước. Ông bị giam lỏng ở Đông Quan hơn 10 năm rồi chôn vào Lam Sơn giúp Lê Lợi khởi nghĩa. Ông dâng Bình Ngô sách, được Lê Lợi hoan nghênh và làm theo. Trong 10 năm kháng chiến chống quân Minh, ông đã dùng tài trí bảy mưu, hiến kế cho Bình Định vương, lại dùng văn chương viết thư dụ hàng quân địch, góp công lớn cho thắng lợi cuối cùng. Từ 1428 đến 1442, ông làm quan triều Lê, tước Quan lộc hầu. Sau ông bị giết vì vụ án Lệ chi viên. Ông là tác giả kiệt tác Bình Ngô Đại Cáo và nhiều văn thơ còn lưu lại ngày nay.	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
12	Nguyễn Sinh Sắc	Ông Nguyễn Sinh Sắc (1862 - 1929), người làng Sen (nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An), sinh năm 1862; con ông Nguyễn Sinh Nhậm và bà Hà Thị Hy. Cha mẹ mất sớm, ông phải sống với người anh cùng cha khác mẹ, sau đó về làm con nuôi cụ Tú Hoàng Đường ở làng Hoàng Trù (tức làng Chùa, nay thuộc xã Kim Liên), ông được cụ Tú thương yêu cho ăn học và gả con gái (bà Hoàng Thị Loan). Ông là một nhà Nho tiến bộ, cho rằng trung quân không phải là ái quốc, mà ái quốc là ái dân, tán thành chủ trương	Sách Đồng Tháp Nhân vật chí

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
		<p>canh tân của Phan Chu Trinh, cho hai con trai vào học trường Pháp - Việt từ năm 1905. Năm 1909, ông được đưa vào Bình Khê (Bình Định) nhận chức Tri huyện.</p> <p>Tháng 3/1911, ông vào Phan Thiết, rồi đến Sài Gòn, cùng Nguyễn Tất Thành xuống Mỹ Tho gặp Phan Chu Trinh, trong lúc Phan Chu Trinh đang chuẩn bị sang Pháp.</p> <p>Ông đi khắp các tỉnh Nam Bộ và đôi lần sang tận Campuchia. Năm 1917, ông về Cao Lãnh, kết thân với nhiều nhà Nho yêu nước, trong đó có ông Lê Văn Đáng (Chánh nhất Đáng), Trần Bá Lê (Cả nhì Ngưu), gặp Võ Hoành (Cử Hoành). Ông Trần Bá Lê cất cho ông một gian nhà nhỏ để ông xem mạch cho toa và dạy nghề thuốc.</p> <p>Cuối tháng 11/1929, ông lâm trọng bệnh và qua đời, được đồng bào làng Hoà An, Cao Lãnh chôn cất tử tế bên cạnh chùa Hoà Long (nay thuộc phường 4, thành phố Cao Lãnh). Trong thời gian tập kết chuyển quân năm 1954, mộ ông được Bộ đội và đồng bào địa phương tôn tạo và bảo vệ trong suốt thời kỳ chống Mỹ.</p> <p>Sau năm 1975, mộ ông được kiến tạo to đẹp, được Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích văn hóa lịch sử cấp quốc gia. Hàng năm có đến hàng trăm ngàn lượt đồng bào trong nước và khách nước ngoài đến viếng.</p>	
13	03 tháng 02	<p>Sau khi phong trào Cần Vương chống Pháp ta rã, tiếp đến các phong trào Đông Du, Duy Tân lần lượt thất bại, thì xảy ra cuộc cách mạng vô sản ở Nga năm 1917. Một số chiến sĩ cách mạng Việt Nam liền hướng về đất nước Liên Xô, tự vạch cho mình con đường để theo đánh đuổi thực dân phong kiến. Do đó ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời ở ba kỳ. Ở Bắc kỳ có Đông dương cộng sản Liên đoàn, ở Trung kỳ có An Nam cộng sản Đảng, ở Nam kỳ có Đông Dương cộng sản Đảng. Tuy cùng lấy chủ nghĩa Mác – Lê nin làm kim chỉ nam và giải phóng dân tộc làm mục tiêu đấu tranh, mỗi đảng trên đây hoạt động riêng và có ý tranh giành ảnh hưởng của nhau làm suy yếu tiềm lực cách mạng của quần chúng.</p> <p>Đứng trước tình hình không hay đó, Nguyễn Ái Quốc bàn đứng ra triệu tập cuộc họp ở Quảng Châu bên Trung Quốc, kêu gọi đoàn kết thống nhất ba đảng làm một, lấy tên Đông Dương cộng sản Đảng, tiền thân của Đảng cộng sản Việt Nam ngày nay. Đó là ngày 03 tháng 02 năm 1930.</p>	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
14	Cách Mạng Tháng 8	Mùa thu năm 1945, chiến tranh thế giới sắp kết thúc, quân đội nhật đại bại trên các mặt trận và nước Nhật sắp phải đầu hàng. Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng cộng sản triệu tập Đại hội Tân Trào, quyết định phát động nhân dân nổi dậy tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến. Ngày 15/8/1945 nước Nhật đầu hàng Đồng Minh. Lệnh tổng khởi nghĩa được Trung ương ban ra. Đồng bào Hà Nội nổi dậy cướp chính quyền thành công ngày 19/8/1945. Đồng thời và những ngày tiếp theo, đồng bào các tỉnh lần lượt cướp chính quyền. Tại Sài Gòn, ngày 25/8/1945, chính quyền về tay nhân dân. Cuộc cách mạng Tháng 8 thành công trên cả nước. Chính quyền cách mạng được thành lập và giữ vững cho đến ngày nay.	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
15	Nguyễn Trung Trực	Ông Nguyễn Trung Trực tên thật là Nguyễn Văn Lịch (1838 - 1868), quê xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, sinh trưởng trong một gia đình sống bằng nghề chài lưới. Năm 1861 ông tham gia nghĩa quân chống Pháp. Sau	Sách Đường

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
		<p>khi đại đồn Chí hòa thất thủ, ông rút về Tân An cầm đầu nhóm nghĩa quân ở đây, dưới quyền chỉ huy của Trương Định. Ông từng chỉ huy nghĩa quân chặn đánh quân Pháp di chuyển trên sông từ Sài Gòn xuống đánh Trương Định và đã tạo nên trận hỏa công vang lừng trên sông Nhật Tảo. Sau hòa ước Nhâm Tuất 1862, ông lui về miền Tây. Đầu năm 1867, ông ra Bình Định nhận chức Lãnh Binh. Giữa năm trở về Hà Tiên giữ chức Thành Thủ úy. Đêm 16-6-1868, ông chỉ huy đánh đồn rạch Giá. Sau bị Pháp đem quân tới đánh, ông phải rút về đảo Hòn Chông, rồi về Phú Quốc. Địch bao vây tiết lương thực, ông bị bắt và bị hành quyết tại Rạch Giá.</p> <p>Nguyễn Đình Chiểu làm thơ khóc ông, có hai câu: “Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa; Kiếm bạc Kiên Giang khắp quỉ thần”</p>	phổ nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
16	Tôn Thất Tùng	Ông Tôn Thất Tùng (1912 - 1982) quê ở Huế, tốt nghiệp Bác sĩ y khoa Hà Nội, làm việc tại các bệnh viện ở Thủ đô. Sau Cách mạng tháng 8 ông làm Giám đốc Bệnh viện Phủ Doãn, Hà Nội. Trong kháng chiến chống pháp ông hoạt động trong ngành quân y. năm 1947 làm Thứ trưởng Bộ Y tế. Từ 1954 làm Giám đốc Bệnh viện Việt – Đức, giáo sư tại Trường Đại học Y khoa Hà Nội, đại biểu Quốc hội nhiều khóa, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ông nổi tiếng về ngành điều trị và phẫu thuật gan, được giới y học trong và ngoài nước kính phục. Ông được tặng nhiều Huân chương cao quý.	Sách Đường phổ nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
17	Nguyễn Du	Ông Nguyễn Du (1765-1820) hiệu Tố Như, quê làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, mồ côi cha mẹ lúc còn nhỏ ở với anh là Nguyễn Khản nuôi cho ăn học. Về học vị ông chỉ thuộc hạng Tam trường (Tú tài), nhưng về kiến thức thì mệnh mông, thơ văn tuyệt diệu. Ông sống vào lúc trong nước có nhiều biến động nên không ra làm quan, cũng không đi thi mại tước khi Gia Long lên ngôi (1802), biết ông là người có tài, vội ra làm quan từ Tri huyện lên đến Tham tri. Ông nổi tiếng không ở công trạng quan trường hay chiến trường, mà là nơi thi đàn với Truyện Kiều bất hủ, chưa có tác phẩm nào sánh bằng. Do đó ông xứng đáng được hậu thế tôn là bậc thi hào đệ nhất nước ta và được cơ quan văn hóa Liên Hiệp Quốc công nhận là nhà văn hóa của thế giới.	Sách Đường phổ nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
18	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) quê làng Tân Khánh, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định, đỗ Tú tài năm 2843, ra Huế học chờ khoa thi năm 1849, bỗng nhận được tin mẹ mất, ông quay về chịu tang dọ đường thương khóc đến mù cả mắt. Ông mở trường dạy học và sáng tác thơ văn. Vừa lúc quân Pháp chiếm thành Gia Định, ông tản cư về Cần Giuộc rồi Bến Tre, hết sức ủng hộ lực lượng kháng chiến chống Pháp, dùng thơ văn ca tụng những chiến sĩ đã hy sinh, động viên những người còn sống. Người Pháp rất nể trọng ông muốn dùng tiền tài để mua chuộc, ông cương quyết từ chối, giữ vững tiết tháo của một nhà nho yêu nước. Ông để lại nhiều tác phẩm văn chương có giá trị, nổi bật là truyện Lục Vân Tiên phổ biến trong quần chúng.	Sách Đường phổ nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
19	Thống Linh	Ông Thống Linh tên thật là Nguyễn Văn Linh quê ở thôn Mỹ Ngãi, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường (hay thuộc phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), snh ra trong một gia đình nông dân, lễ giáo. Ngay từ nhỏ, ông đã tỏ ra khí phách anh hùng. Trong những cuộc giao du, đàm luận với bạn bè, ông thường biểu tính kiên cường, chính trực,	Sách Đồng Tháp

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
		<p>hay bệnh vực kẻ yếu, thể cô. Ông thường nói với bạn hữu: “Thà chết vinh hơn sống nhục”. Năm 22 tuổi ông lập gia đình, cuộc sống âm êm không làm ông xao lãng việc trau dồi văn chương, võ nghệ, chờ có cơ hội giúp dân, giúp nước. Sau khi triều đình ký hòa ước Nhâm Tuất (1862), nhường 3 tỉnh: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường cho thực dân Pháp, chúng kéo quân đến vùng Cao Lãnh tiến hành công việc bình định chiếm đóng. Lập tức, ông đứng ra qui tụ thanh niên trai tráng trong vùng luyện tập võ nghệ, trang bị vũ khí tự tạo v.v. hình thành đội nghĩa dũng bí mật, ngày đêm rình rập theo dõi hành tung của giặc, hễ có cơ hội là diệt chúng, làm cho giặc hoang mang ngay từ buổi đầu mới chiếm đóng, nhưng với lực lượng nhỏ, vũ khí lại thô sơ, kết quả mang lại không như ông mong muốn. Giữa năm 1863, Thiên hộ Võ Duy Dương từ Ba Giồng (Cai Lậy) dẫn nghĩa quân vô Đồng Tháp Mười xây dựng đồn lũy, lập căn cứ, chiêu mộ nghĩa sĩ, ông liền đem lực lượng của mình đặt dưới quyền chỉ huy của Thiên hộ và hiến nhiều kế sách cho việc xây dựng, phát triển lực lượng nghĩa quân. Trong giai đoạn xây dựng căn cứ, ông và Đốc Bình Kiều là hai bộ tướng phụ tá đắc lực của Thiên hộ Dương trong việc chiêu mộ nghĩa quân và vận động nhân dân ủng hộ kháng giặc. Vùng hoạt động của nghĩa quân Đồng Tháp Mười ngày một mở rộng, nghĩa quân chủ động tiến công giặc nhiều nơi. Nguyễn Văn Linh được giao thống lĩnh một đạo nghĩa quân phụ trách hoạt động vùng Cao Lãnh, nên trong quân cũng như ngoài dân thường gọi ông là Thống Linh. Hoạt động của ông làm cho giặc pháp trong vùng mất ăn mất ngủ, nhưng chúng không sao đàn áp nổi. Để đối phó, chúng phải sử dụng hai tên tay sai khét tiếng: Cai Lộc (tức Trần Bá Lộc, sau thăng lên Tổng đốc) và nhất là quân Khanh (tức Phạm Văn Khanh), vốn là người làng Mỹ Trà có quen biết với Thống Linh trước đây và có thời gian y tham gia lực lượng nghĩa quân. Bọn này thường xuyên rình rập theo dõi hoạt động của ông. Về ngày mất của ông, theo các tài liệu trước đây là ngày 07/7/1862. Điều này e ra chưa chính xác. Vì ngày 07/7 là ngày giỗ, tức là theo âm lịch; còn năm là năm dương lịch (1862), thì lúc ấy, thực dân Pháp chưa chiếm đóng vùng Cao Lãnh. Đến năm 1863, thực dân Pháp mới chính thức đưa quân đến Cao Lãnh và bằng nghị định này 03/6/1865, chúng mới quyết định thành lập khu thanh tra Cần Lố. Do đó, thời điểm hy sinh của Nguyễn Văn Linh chỉ có thể xảy ra trong khoảng từ 1863 đến 1865. Năm hy sinh của Nguyễn Văn Linh có thể là năm 1865 (theo âm lịch năm Ất Sửu), vì lúc bấy giờ chúng mới thiết lập bộ máy bình định, đàn áp nghĩa quân. Lấy ngày giỗ ông theo âm lịch (07/7 Ất Sửu), thì ngày hy sinh của ông theo dương lịch là 28/8/1865.</p>	Nhân vật chí
20	Nguyễn Văn Tre	<p>Nguyễn Văn Tre (đọc trại là Che), sinh năm 1934, trong gia đình nông dân nghèo ở làng Thanh Mỹ, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Trận địa của ông đánh địch là ấp Hưng Lợi, quê ông và vũ khí diệt địch là các loại chông, lòi, trái gài tự tạo. Qua mỗi trận địch càn, ông theo dấu, xem cách đi của địch để rút kinh nghiệm bố trí trái gài cho hiệu quả hơn. Ông Nguyễn Văn Tre sáng tạo nhiều cách đánh trái gài trên cỏ rậm, cỏ thưa, đường mòn, nương, liếp v.v. nên lần nào bọn Mỹ nguỵ càn vào cũng có tên chết, bị thương. Tính chung từ năm 1965-1971, bằng trái gài ông Tre chặn đánh địch 250 trận, giết chết 150 tên (có 10 Mỹ), làm bị thương hơn 200 tên (có 20 Mỹ). Dưới đây là vài trận tiêu biểu:</p> <p>Mùa khô năm 1967, 1 tiểu đoàn của Sư đoàn 7 nguỵ càn vào xã, ông Tre phán đoán: tối địch sẽ co cụm ở Cống Kho, ông cùng 2 tổ Du kích gài 1 trái pháo 105 ly và 20 lựu đạn tại gò cao. Địch vào đó, vướng nhiều trái nổ, chết và bị</p>	Hội Khoa học Lịch sử huyện

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
		<p>thương 30 tên.</p> <p>Năm 1969, bọn Mỹ đổ quân “nhảy cóc” lọt vào bãi lợ đạn gài của ông. 1 trái nổ 3 tên chết. Chúng loay hoay đập thêm 3 trái nữa. Cả bọn kinh hoàng co cụm tại chỗ rồi gọi trực thăng tới tháo chạy nhục nhã.</p> <p>Mùa mưa năm 1969, địch phát hiện điểm hội nghị Bình vận của tỉnh ở vườn bà Năm Phì (kênh Nguyễn Văn Tiếp B), liền đổ 1 trung đoàn sư đoàn 7 nguy, chia nhiều mũi đánh vào. Được giao nhiệm vụ bảo vệ hội nghị, ông Nguyễn Văn Tre cùng du kích bám theo các mũi quân địch, gài lợ đạn chặn chúng lại. Suốt ngày, địch không vào được và cụm quân bao vây chặt khu vực. Đến tối, ông Nguyễn Văn Tre gỡ lợ đạn, đưa 60 đại biểu ra khỏi vòng vây an toàn, rồi trở lại gài lợ đạn. Sáng địch đánh vào, không gặp ai và kết quả có hơn 60 tên bị diệt.</p> <p>Năm 1969, ông Nguyễn Văn Tre được bầu chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, được tặng 2 danh hiệu Dũng sĩ cấp ưu tú, nhiều Bằng khen, Giấy khen. Tháng 02/1971, ông hy sinh, đang là Phó Bí thư Xã ủy, Chính trị viên Xã đội Thanh Mỹ.</p> <p>Ngày 30/10/1978, liệt sĩ Nguyễn Văn Tre được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.</p> <p>Áp Hưng Lợi và xã Thanh Mỹ quê ông cũng được tặng danh hiệu Anh hùng. Tên ông được đặt tên trường tại quê và tên đường, tên cầu ở thành phố Cao Lãnh.</p>	
21	Võ Thị Sáu	<p>Võ Thị Sáu (1935–1952), tên thật: Nguyễn Thị Sáu, Anh hùng Lực lượng vũ trang (truy tặng 1993), khi hi sinh là đội viên Công an Xung phong quận Đất Đỏ. Quê: xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tham gia cách mạng năm 1948. Sớm có ý thức căm thù thực dân Pháp, dũng cảm, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao như giao liên, mua hàng tiếp tế cho các tổ chức cách mạng. Tháng 5.1948, tham gia phá tề, trừ gian, giết cai tổng Tòng. Ngày 14.7.1949, cùng đồng đội phá cuộc mít tinh kỉ niệm quốc khánh Pháp do nguy quyền tổ chức. Đã trực tiếp diệt nhiều lính Pháp ở Vũng Tàu.</p> <p>Tháng 5.1950, bị địch bắt giam ở Bà Rịa, sau chuyển đến Khám Chí Hoà, Sài Gòn. Mặc dù bị địch tra tấn dã man vẫn giữ vững khí tiết người công an cách mạng. Bị thực dân Pháp kết án tử hình - vụ án đã gây chấn động dư luận xã hội lúc đó. Sau hai năm bị giam ở Khám Chí Hoà, ngày 21.1.1952, bị đưa ra Côn Đảo với số tù 6267 và bị giam riêng ở Sở Cò. Đêm 22.1.1952, được chi bộ nhà tù kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi bị dẫn đi làm thủ tục trước khi hành quyết đã khước từ rửa tội, từ chối bịt mắt khi ở pháp trường, giữ vững khí tiết người chiến sĩ cách mạng đến phút cuối cùng.</p>	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
22	Đỗ Công Tường	Vào khoảng giữa thế kỷ 18, hòa trong lưu dân Quảng Nam, Bình Định vào Nam khai hoang lập nghiệp ở vùng ven Đồng Tháp Mười, gần sông Tiền, có vợ chồng ông Đỗ Công Tường - tục danh là Lãnh. Sau bao năm tháng chỉ thú làm ăn, cùng với bao lưu dân khác ra sức khai phá, biến rừng hoang thành ruộng vườn, với xóm làng sung túc, thành lập nên thôn Mỹ Trà. Cả hai ông bà đều có lòng thương người, thường curu mang, giúp đỡ người khốn khó; riêng ông tính tình cương trực, sẵn sàng giúp kẻ cô thế; nên cả hai đều được mọi người cảm mến. Do đó, khi làng được thành lập, ông được cử giữ chức câu đương, trông coi việc phân xử các vụ tranh tụng nhỏ trong làng. Sở đất của ông bà có	Sách Đồng Tháp Nhân vật chí

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
		lập một vườn quýt; nằm trên vị trí thuận tiện, hàng ngày bà con trong xóm thường tụ tập ở đây để mua bán đổi chất, lâu ngày thành một cái chợ nhỏ; được gọi là chợ Vườn Quýt, hay chợ ông Câu (vì ông làm chức câu đương) Năm Canh Thìn (1820), dân làng Mỹ Trà bị bệnh dịch tả hoành hành dữ dội, có nhà chết gần hết. Tiếng kêu cứu, khóc than vang dậy; cảnh chôn cất người chết hồi hải diễn ra suốt ngày, ban đêm tiếng mõ kêu cứu nổi lên từng chập, làng xóm, chợ búa vắng vẻ tiêu điều. Lúc bấy giờ, người ta cho rằng bị bệnh dịch là do trời đất quả phạt. Không thể ngồi yên nhìn cảnh tượng đau thương ấy, ông bà lập bàn thờ giữa chợ, cầu xin trời đất phù trợ cho dân chúng tai qua nạn khỏi và nguyện chết thay cho họ. Khẩn nguyện xong, ông bà ăn chay 3 ngày, từ ngày mùng 6 đến ngày mùng 8. Đến sáng mùng 9 bà lâm bệnh, đến tối thì qua đời. Đang lo tần liệm cho bà thì ông phát bệnh và đến 2 giờ đêm rạng sáng ngày 11, ông cũng qua đời. Dân làng an táng ông bà xong thì bệnh thời khí lần hồi cũng dứt luôn. Do vậy, dân làng nghĩ rằng chính ông bà là người đã cứu họ thoát chết; nên đã cùng nhau kẻ công người của, lập đền để thờ ông bà bên bờ kênh Thầy Khâm (nay là đường Lê Lợi, phường 2, thành phố Cao Lãnh) ngày đêm khói hương không dứt để tưởng nhớ công lao của hai người; được gọi là miếu Ông bà Chủ chợ.	
23	Nguyễn Thị Minh Khai	Bà Nguyễn Thị Minh Khai (1910 – 1941) quê ở thành phố Vinh - Nghệ An, tham gia cách mạng từ lúc còn học Tiểu học, từng tham gia Đảng Tân Việt rồi Đảng cộng sản Đông Dương. Năm 1930 sang Trung Quốc làm việc ở Văn phòng Đông Phương bộ Quốc tế Cộng sản. Năm 1931 – 1934 bà bị Pháp bắt ở HongKong rồi được tha. Sau đó bà cùng Lê Hồng Phong sang Matxcova dự Đại hội Quốc tế cộng sản. Tại đây hai người cưới nhau và cùng vào học Trường Đông Phương. Năm 1936, bà được phân công về hoạt động ở Sài Gòn, tham gia Xứ Ủy Nam kỳ, Bí Thư Thành Ủy Sài Gòn – Chợ lớn. Năm 1940, bà bị bắt nhân cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp và khủng bố. Chúng kết án tử hình bà và nhiều chiến sĩ khác. Ngày 28/8/1941, bà bị bắn ở Hóc Môn.	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
24	Đặng Văn Bình	Ông Đặng Văn Bình sinh năm 1941, quê xã Long Hưng, huyện Lấp Vò, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia Du kích xã năm 1961, vào Đảng Nhân dân Cách mạng Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) năm 1970. Lúc hy sinh là Xã đội trưởng xã Long Hưng. Với 11 năm chiến đấu là những năm tháng chiến tranh ác liệt trên địa bàn nhỏ hẹp ta và địch cài đan xen nhau, cực kỳ gian khổ và cái sống tính từng ngày, nhưng ông Đặng Văn Bình vẫn kiên cường bám trụ, dũng cảm đánh địch trên 315 trận, lấy bom pháo lép của địch cải tiến thành trái gài đánh lại địch, kết hợp chông, rào v.v. đã đánh chìm 4 tàu gỗ, giết 44 tên, làm bị thương 491 tên, thu 4 súng v.v. Năm 1971, địch xua 1 tiểu đoàn đi phát quang vùng căn cứ cách mạng ở rạch Bà Năm, Bờ Rào. Ông Bình bám sát, theo dõi địch, gỡ 3 trái lựu đạn địch gài, gài lại với 1 trái đạn pháo 105 ly dưới một gốc cây. Khi trưa nắng, địch gom lại dưới bóng cây, ông châm điện, 35 tên chết và bị thương. Địch bỏ dở kế hoạch phát quang. Tháng 7/1971, ông cùng Đội Du kích xã quần nhau quyết liệt với một tiểu đoàn địch lần chiếm rạch Bà Năm. Đến ngày thứ 8, ta chỉ còn 3 tay súng, ông Bình và anh em vẫn bám chặt địch đánh liên tục, ngày chặn địch bung ra, đêm núc sít gài lựu đạn, lãnh đạo quần chúng bị thúc ép đi đốn cây, chống lại địch. Đến cuối ngày thứ 12, địch không chịu nổi phải rút khỏi vùng này. Kết quả, Đội Du kích đã loại khỏi vòng chiến đấu 45 tên địch; riêng ông Bình	Sách Đồng Tháp Nhân vật chí

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
		giết và làm bị thương 15 tên. Tháng 5/1972, ông nhận nhiệm vụ diệt tề, hỗ trợ quân chúng phá kềm kẹp, trở về ruộng vườn cũ. Ông Bình bị phục kích trọng thương. Chúng dò theo dấu máu để tìm ông. Ông cố sức gài trái lựu đạn cuối cùng trên đường rút lui. Lựu đạn nổ, 3 tên địch chết, chúng hoảng sợ không dám theo nữa. Khi được đồng đội đưa đến trạm xá thì ông Bình trút hơi thở cuối cùng. Liệt sĩ Đặng Văn Bình để lại tấm gương sáng về tinh thần chiến đấu dũng cảm, chịu đựng gian khổ, chủ động tấn công địch. Trong quá trình chiến đấu, ông được tặng 3 Huân chương Chiến công hạng Ba, 7 Bằng khen và 5 lần đạt danh hiệu dũng sĩ ưu tú. Ngày 30/10/1978, liệt sĩ Đặng Văn Bình được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt cho con đường trong nội ô thành phố Cao Lãnh.	
25	Phạm Hữu Lầu	<p>Ông Phạm Hữu Lầu, bí danh Tư Lộ, sinh năm 1906, quê làng Hòa An, tổng An Tịnh, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Tháng 9/1928, Phạm Hữu Lầu được kết nạp vào tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội, được bầu làm Tổ trưởng. Tháng 10/1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản Đảng, được đề cử vào Ban Chấp hành lâm thời Trung ương An Nam Cộng sản Đảng; sau đó được rút lên Sài Gòn và chỉ định đi “vô sản hóa” ở đề pò xe lửa Dĩ An.</p> <p>Giữa năm 1930, ông đi dự hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất ở Hương Cảng. Đến cảng Hải Phòng thì bị mật thám Pháp bắt đưa về nhà lao Hòa Lò, Hà Nội. Sau đó đưa về Sài Gòn xét xử, kết án tù chung thân, phát lưu và đày ra Côn Đảo. Năm 1936 mật trận Bình dân lên cầm quyền ở nước Pháp đã quyết định ân xá một số lớn chính trị phạm ở Đông Dương, trong đó có Phạm Hữu Lầu.</p> <p>Đến cuối năm 1939, ông lại bị thực dân Pháp bắt, kết án 5 năm tù và đày đi Côn Đảo. Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, ông trở về Sa Đéc, được giao trách nhiệm làm Bí thư Tỉnh uỷ Sa Đéc. Khi thực dân Pháp trở lại xâm lược, đánh chiếm Sa Đéc (ngày 25/01/1946), ông lãnh đạo tổ chức các phòng tuyến chiến đấu, ngăn chặn kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của địch.</p> <p>Cuối năm 1949, ông được rút lên Khu uỷ Khu VIII, rồi về Ban Đại diện của Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ. Tháng 5/1951, ông về làm Bí thư Tỉnh uỷ tỉnh Mỹ Tho kiêm Uỷ viên Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Phân liên Khu miền Đông, phụ trách vùng Đồng Tháp Mười. Tháng 4/1952, ông được phân công làm Uỷ viên Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ phụ trách Công an và Thương binh đến năm 1954. Sau Hiệp định Genève đến giữa năm 1958, ông làm Phó Bí thư Xứ uỷ, rồi Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ đến cuối năm 1959.</p> <p>Ngày 16/12/1959, ông từ trần tại một bệnh viện trên đất Campuchia do căn bệnh lao phổi. Năm 1985, lãnh đạo tỉnh Đồng Tháp tổ chức đưa hài cốt ông về an táng tại Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh ở thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh)</p>	Sách Đồng Tháp Nhân vật chí
26	Nguyễn Quang Diêu	Nguyễn Quang Diêu sinh năm Canh Thìn (1880), tự là Tử Ngọc, hiệu Cảnh Sơn (hay Nam Sơn), người làng Tân Thuận, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Ông nội và cha	Sách Đồng

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
		<p>ông là những người có tiếng về Nho học, nên ngay từ thuở nhỏ ông được chăm sóc giáo dục chu đáo. Năm lên 6 tuổi, ông học chữ Nho, năm 10 tuổi học chữ Quốc ngữ. Năm 15 tuổi, ông lại học chữ Hán với cụ Tú Tịnh, sau đó đến Phú Thuận (Châu Đốc, nay thuộc huyện Hồng Ngự, Đồng Tháp) tiếp tục học với cụ Tú Trần Hữu Thường - một nhà Nho yêu nước. Chính cụ Tú Thường là người làm cho Nguyễn Quang Diêu sớm thấy được cái nhục mất nước. Do đó, mặc dù tuổi còn nhỏ lại đang phải học hành, nhưng ông vẫn thường xuyên theo dõi tình hình phong trào yêu nước kháng Pháp trong cả nước. Năm 1907, ông tham gia phong trào Đông Du với tư cách cổ động viên, vận động thanh niên sang Nhật du học, quyên góp ủng hộ phong trào. Ông góp phần đưa vùng Cao Lãnh trở thành một trong những nơi có phong trào Đông Du mạnh ở miền Nam. Năm 1908, phong trào tan rã, du học bị trục xuất về nước, ông bị thực dân giam cầm một thời gian mới trả tự do, song bị an trí. Ông tìm cách liên hệ với Đặng Thúc Liêng ở Sa Đéc, Nguyễn Thần Hiến ở Cần Thơ, Bùi Chí Nhuận ở Tân An, Cả Trăn ở Mỹ Tho v.v. và những cựu du học sinh Đông Du bị trục xuất như Lê Văn Đáng ở Cao Lãnh, các yếu nhân của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục đang bị an trí ở Sa Đéc như Võ Hoành, Dương Bá Trạc v.v. để gây dựng lại phong trào ở địa phương. Nhân Cách mạng Tân Hợi Trung Quốc thành công (1911), nhà ái quốc Phan Bội Châu lập Việt Nam Quang phục Hội ở Trung Quốc (tháng 5/1912), Hội cho người về móc nối với cơ sở trong nước. Cường Để về Nam Kỳ, Nguyễn Quang Diêu tiếp xúc với Cường Để tại một địa điểm bí mật ở Long Xuyên (An Giang) để nhận nhiệm vụ. Tháng 5/1913, ông cầm đầu một phái đoàn gồm có Đinh Hữu Thuật và 10 đồng chí khác với 2 thiếu niên qua Hồng Kông hoạt động. Vừa đến nơi, tất cả đều bị thực dân Pháp bắt giải về giam ở Hỏa Lò (Hà Nội), rồi đày sang đảo Guyane (Nam Mỹ). Năm 1917, ông vượt ngục trốn sang đảo Trinidad (thuộc địa Anh) giả dạng làm người Trung Quốc. Năm 1920, Nguyễn Quang Diêu sang Washinton (Mỹ) rồi về Trung Quốc, Hồng Kông tìm cách bắt liên lạc với các nhà cách mạng Việt Nam ở hải ngoại. Suốt gần 6 năm sống và hoạt động ở Trung Quốc, ông theo con đường cách mạng tự sản do Phan Bội Châu vạch ra. Trong thời gian này, Nguyễn Quang Diêu thấy rõ những hạn chế của các nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ ở Trung Quốc và còn thấu hiểu được tình hình cách mạng nước này kể từ khi Đảng Cộng sản ra đời năm 1921. Cuối năm 1926, ông bí mật về hoạt động trong nước. Sau một thời gian ở Sài Gòn, ông tới Sa Đéc (nay là Đồng Tháp) vào đầu năm 1927, được sự hỗ trợ nhiệt tình của 2 ông: Võ Hoành và Phó bảng Nguyễn Sinh Huy. Từ đây, với tư cách người tù khổ sai vượt ngục, ông vẫn hăng say hoạt động, phải đổi tên nhiều lần (Nam Xương, Trần Văn Vện v.v.) và cải trang để đi hoạt động. Các tỉnh miền Tây, nhất là Cao lãnh, Tân Châu, Hồng Ngự, Châu Đốc v.v. là những địa phương ông thường lui tới tuyên truyền giáo dục quần chúng và tạo được nhiều cơ sở cách mạng. Năm 1930, được một số hương chức làng Vĩnh Hoà (Tân Châu) giúp đỡ, ông mở trường dạy học ở đây. Đa số học trò của ông đều tham gia cách mạng, trong đó có nhiều người trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, giữ vai trò lãnh đạo trong Cách mạng Tháng Tám 1945 và về sau ở 2 tỉnh An Giang, Đồng Tháp. Ngày 15/5 năm Canh Tý (1936), ông bị bệnh qua đời trong sự im lặng của một “tội phạm chính trị vượt ngục”, được đồng bào, đồng chí và môn sinh an táng tại làng Vĩnh Hoà (năm 1989 được cải táng về quê nhà). Một đồng chí có câu đối điếu cụ: Ngót hai chục năm dư, hồ hải từng Âu, Á, Mỹ; Vừa năm mươi tuổi lẻ, dạ đài còn tạc Hiếu, Trung, Cang. Ông để lại một lượng lớn tác</p>	Tháp Nhân vật chí

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
		phẩm thơ góp phần không nhỏ trong văn học yêu nước Việt Nam thời cận đại, đánh dấu bước ngoặt tư tưởng trong cách mạng nước ta những thập niên đầu thế kỷ XX. Công lao lớn của ông là giác ngộ một số quần chúng nông dân, nhất là thanh niên đi từ chủ nghĩa yêu nước chân chính chuyển sang chủ nghĩa yêu nước có xu hướng xã hội chủ nghĩa. Tên ông được đặt cho một con đường ở thành phố Cao Lãnh, một trường phổ thông ở Giồng Giăng (xã An Phước, huyện Tân Hồng) và tên giải thưởng Văn học - Nghệ thuật tỉnh Đồng Tháp.	
27	Thiên Hộ Dương	Võ Duy Dương là con trai thứ ba trong một gia đình nông dân ở thôn Cù Lâm Nam, thuộc phủ Tuy Viễn, trấn Bình Định (nay là thôn Nam Tượng, xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định), sinh năm 1827, em ruột của anh hùng chống Pháp Võ Duy Tân. Tương truyền ông rất khoẻ mạnh và giỏi võ nghệ, được bà con tôn là Ngũ linh Dương. Năm 1857, hưởng ứng chính sách khai hoang của Nguyễn Tri Phương, ông vượt biển vào Nam tìm đến đất Ba Giồng, ven Đồng Tháp Mười (nay thuộc địa bàn huyện Châu Thành, Cai Lậy, Cái Bè, tỉnh Tiền Giang), quan hệ với nông dân, điền chủ, danh Nho địa phương để tìm chỗ cho cuộc chiêu dân, khai hoang lập ấp. Tháng 02/1859, Pháp đánh thành Gia Định, ông cùng thủ khoa Nguyễn Hữu Huân, lập Đội Nghĩa Quân ứng kéo về Gia Định đánh Pháp, ông được phong chức Chánh quản đạo. Thành Gia Định vỡ, ông vượt biển về kinh, bái yết vua Tự Đức hiến kế đuổi giặc. Ông được điều về Quảng Nam dẹp cuộc nổi dậy của người Thạch Bích (mọi Vách Đá) và được phong hàm Chánh bát phẩm Thiên hộ vào năm 1860. Tháng 5/1861, ông được sung vào phái bộ của Khâm phái quân vụ Đỗ Thúc Tịnh vào Nam với nhiệm vụ chiêu mộ nghĩa đồng chống giặc. Trong một thời gian ngắn, ông chiêu mộ được gần 1.000 nghĩa đồng và được phong chức Quản cơ. Ông đóng quân ở Bình Cách, liên kết với Trương Định ở Gò Công, Trần Xuân Hoà (phủ Cật) ở Thuộc Nhiều và Đỗ Thúc Tịnh ở Mỹ Quý. Đầu năm 1862, giặc Pháp đột kích căn cứ Thuộc Nhiều, Trần Xuân Hòa bị bắt và tự tử chết, ông tiếp tục cuộc kháng chiến đến khi Đỗ Thúc Tịnh hy sinh, Nguyễn Hữu Huân bị bắt, Thiên hộ Dương rút về Bình Cách. Trương Định được phong làm Bình Tây Tướng quân và Võ Duy Dương làm Chánh Đề đốc, Nguyễn Hữu Huân (sau khi bị bắt đã tìm cách trốn thoát) làm Phó Đề đốc. Lực lượng nghĩa quân đánh Pháp nhiều trận, gây cho chúng nhiều tổn thất. Đến năm 1864, Trương Định hy sinh, Thiên Hộ Dương rút quân về Tháp Mười xây dựng căn cứ. Năm 1865, nghĩa quân đánh vào Cái Bè, Cái Thia, Cai Lậy, Mỹ Quý, nhất là trận Mỹ Trà khiến Phó Đô đốc Roze phải đưa viện binh từ Sài Gòn xuống cứu viện. Tháng 4/1866, De Lagrandiere tập tưng quân chia làm ba mũi tấn công vào Đồng Tháp Mười. Sau gần 10 ngày quần thảo với giặc, Thiên hộ Dương ra lệnh rút lui về biên giới và Cái Thia (Cái Bè). Tháng 11/1886, Thiên hộ Dương vượt biển về kinh, đến cửa Thần Mẫu (Cần Giò), bất ngờ ông bị Lý Sen, một tên cướp biển giết chết! Thiên hộ Dương nằm xuống, nhưng tên tuổi và sự nghiệp chống giặc giữ nước của ông mãi mãi gắn chặt với mảnh đất Đồng Tháp Mười anh hùng. Để tưởng nhớ người anh hùng có công giữ nước, ngày nay nhân dân xây dựng đền thờ tưởng niệm tại Gò Tháp, hàng năm có hàng chục ngàn người đến kính bái. Tên ông được đặt cho con đường ở thành phố Cao Lãnh, chợ Thiên Hộ ở Hậu Mỹ huyện Cái Bè (Tiền Giang) v.v.	Sách Đồng Tháp Nhân vật chí
28	Lê Thị	Bà Lê Thị Riêng (1925-1968) quê ở Bạc Liêu, tỉnh Minh Hải, mồ côi cha mẹ sớm, tham gia kháng chiến chống Pháp	Sách

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
	Riêng	từ năm 1945. Sau hiệp định Gio7nevo7, bà được ở lại miền Nam hoạt động. Năm 1960 được bầu làm Ủy viên Trung ương Mặt trận Giải phóng miền Nam là Phó Hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ Giải phóng miền Nam. Trong một chuyến đi công tác bà bị địch bắt và giam tại nhà lao Biên Hòa. Trong cuộc tổng tấn công Mậu Thân 1968 của quân giải phóng, địch đưa bà về Sài Gòn và giết hại ở khoảng ngã tư Châu Văn Liêm và Hồng Bàng.	Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
29	Nguyễn Viết Xuân	Nguyễn Viết Xuân (1933-1964) sinh ở xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. 18 tuổi, anh xung phong vào bộ đội ở trung đoàn pháo cao xạ. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, đơn vị chiến đấu của anh đã bắn rơi nhiều máy bay địch. Năm 1964, đơn vị anh đảm nhận nhiệm vụ bảo vệ bầu trời phía Tây Quảng Bình. Buổi sáng ngày 18-11-1964, đơn vị anh đã đánh trả nhiều đợt tấn công điên cuồng của lũ máy bay Mỹ với tiếng hô vang "Nhằm thẳng quân thù, bắn!". Lúc bị thương nát đùi bên phải, anh yêu cầu cắt bỏ chân và tiếp tục đưa vào bờ công sự, chỉ huy chiến đấu. Khi bầu trời không còn bóng giặc mọi người hòa đến nhưng anh đã hy sinh – Lời hô "Nhằm thẳng quân thù, bắn!" trở thành bất tử, đã làm bạt vía quân thù và là biểu tượng của khí phách tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc chống chiến tranh phá hoại bằng không quân Mỹ đối với miền Bắc xã hội chủ nghĩa.	
30	30 tháng 04	Ngày 30/4 là ngày kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh. Chính quyền Sài Gòn đầu hàng vô điều kiện. Chiến dịch này được phát động từ ngày 14/4/1975 sau khi quân giải phóng lần lượt đánh chiếm thị xã Phước Long (6/1/1975), thị xã Ban Mê Thuột (10/3/1975), toàn bộ Tây Nguyên (24/3/1975), Đà Nẵng (29/3/1975). Sau khi chiến dịch được phát động, năm quân đoàn chủ lực mở đợt tổng công kích vào khu vực Sài Gòn Gia Định. 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, quân Giải phóng tiến chiếm dinh Độc Lập. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Ngày 30 tháng 4 đã đi vào lịch sử.	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
31	Nguyễn Văn Trỗi	Ông Nguyễn Văn Trỗi (1940-1964) quê làng Thanh Quýt, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, sau 1954 tham gia đình vào Sài Gòn sinh sống, làm thợ điện ở nhà máy đèn Chợ Quán, tham gia đội biệt động vũ trang quyết tử cánh Tây Nam Sài Gòn. Năm 1946, Chính Phủ Mỹ cử một phái đoàn quân sự sang Sài Gòn do Bộ trưởng Quốc phòng Mac Namara cầm đầu. Ông được giao nhiệm vụ tấn công phái đoàn này bằng cách đặt bom phá cầu Công Lý khi đoàn xe từ sân bay Tân Sơn Nhất đi qua đây. Việc bị bại lộ, ông bị bắt, bị tra tấn và cuối cùng bị xử bắn tại nhà lao Chí Hòa.	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
32	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Năm 1939 chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Qua năm sau nước Pháp bại trận, bị phát xít Đức chiếm đóng. Thực dân pháp ở Đông Dương mất liên lạc với chính Quốc, lại phải đối phó với Phát xít Nhật đang lấn le muốn lật đổ chúng. Trước những khó khăn ấy của đôi phương, Xứ ủy Nam kỳ quyết định chọn ngày 23/11/1940 để khởi nghĩa	Sách Đường phố nội

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
		cướp chính quyền. Chủ trương đó không được Trung ương tán thành nhưng lệnh hoãn khởi nghĩa đưa vào không kịp. Đúng ngày giờ đã định, các nơi tự động vũ trang nổi dậy. Có nơi cướp được chính quyền như ở Vũng Liêm, nhưng có nơi bị thực dân Pháp đàn áp ngay. Cuộc khởi nghĩa bất thành. Nhiều cán bộ và quân chúng hy sinh hoặc bị tù đầy, nhưng gây được tiếng vang được trong và ngoài nước.	thành Thành phố Hồ Chí Minh
33	Nguyễn Huệ	Nguyễn Huệ (1753-1792) Đệ hiệu là Quang Trung là em út trong ba anh em nhà Tây Sơn, chính là người họ Hồ, gốc tỉnh Nghệ An, cùng với hai anh là Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ phát cờ khởi nghĩa ở đất Tây Sơn, tỉnh Bình Định, đánh đuổi chúa Nguyễn, lập ra nhà nước Tây Sơn. Ông là một vị tướng tài lập được nhiều chiến công vang dội, lưu truyền sử sách. Ông đã từng cầm quân đánh đuổi quân chúa Nguyễn ở Gia Định, đánh tan 10 vạn quân Xiêm ở Rạch Gầm-Xoài Mút, đánh tan 20 vạn quân Thanh, tiêu biểu là trận Đống Đa. Trước khi đem quân từ Phú Xuân ra Bắc đánh quân Thanh, ông đã lên ngôi hoàng đế, niên hiệu Quang Trung, dùng La Sơn phu tử làm cố vấn. Ông bắt đầu cải cách trong nhiều lĩnh vực, trong đó có việc dùng chữ Nôm thay cho chữ Hán. Ông có nhiều hoài vọng lớn muốn xây dựng đất nước Việt Nam thành một cường quốc ở vùng Đông Nam Á, nhưng không thực hiện được vì mất sớm.	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
34	Nguyễn Xuân Trường	Ông Nguyễn Xuân Trường (1922 - 2006), bí danh Mười Nhẹ, quê làng An Bình, tổng An Phước, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (nay là thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp). Xuất thân từ tầng lớp nghèo, cha mẹ đều phải đi làm mướn để nuôi con ăn học. Học xong cơ học ông vào làm Thư ký cho Sở lúa gạo tại thị trấn Hồng Ngự. Năm 1945, ông tham gia Cách mạng Tháng Tám, làm Thư ký Ủy ban nhân dân quận Hồng Ngự. Pháp tái chiếm thị trấn, ông được tổ chức bố trí làm nội ứng, song bị lộ, nên cả gia đình phải dời vào chiến khu. Ở căn cứ từ năm 1946 đến cuối năm 1949, ông được phân công làm Thư ký Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã, rồi Ủy viên Ban Kinh tế Tài chính xã An Bình, được kết nạp vào Đảng Cộng sản tháng 11/1948, sau đó được đưa làm Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã, được bầu vào Ban Chi ủy xã. Từ năm 1950 đến cuối năm 1955, ông được phân công làm Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã An Bình, được bổ sung Ủy viên dự khuyết Huyện ủy. Tháng 11/1955, ông được Tỉnh ủy Châu Đốc rút lên làm Chánh Văn phòng, đến tháng 7/1956 được đưa về huyện Hồng Ngự, bổ sung vào Ban Thường vụ Huyện ủy; năm 1957 đề bạt làm Phó Bí thư, rồi Bí thư Huyện ủy, được bổ sung vào Tỉnh ủy Kiến Phong. Tháng 9/1962, Tỉnh ủy điều động ông về làm Bí thư Huyện ủy Thanh Bình. Được hơn 01 năm, Tỉnh ủy rút ông lên phụ trách công tác Dân vận – Mặt trận và bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy rồi Phó Bí thư. Từ tháng 11/1972 đến tháng 3/1974, được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong. Giữa năm 1974, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, tỉnh Kiến Phong giải thể, để thành lập 2 tỉnh Long Châu Tiền và Sa Đéc, ông Nguyễn Xuân Trường được điều về làm Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Long Châu Tiền đến hết năm 1975. Đầu năm 1976, tỉnh Đồng Tháp được thành lập, ông Nguyễn Xuân Trường được bầu làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Trọng trách này ông thực hiện đến tháng 5/1987. Sau đó, ông chuyển qua làm Chủ tịch Ủy ban Hữu nghị đoàn kết với các nước, tham gia hoạt động quỹ vì tuổi thơ của tỉnh và làm chuyên viên Chính phủ trong Ban chỉ đạo khai thác Đồng Tháp Mười. Tháng 7/1995, ông chính thức nghỉ hưu về sống ở phường 1, thị	Sách Đồng Tháp Nhân vật chí

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
		<p>xã Sa Đéc. Sau ngày giải phóng, ông đặc biệt có tâm huyết và công lớn trong việc xây dựng bảo vệ tuyến biên giới, khai thác Đồng Tháp Mười, thành lập Khu Bảo tồn thiên nhiên-sinh thái Đồng Tháp Mười, nay là Vườn Quốc gia Tràm Chim.</p> <p>Ông được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và Huân chương quyết thắng hạng Nhất, Huy hiệu 50 tuổi Đảng.</p>	
35	Hà Hồng Hồ	<p>Ông Hà Hồng Hồ, sinh năm 1955, quê xã Phú Thành, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; nhập ngũ tháng 7/1970. Khi được tuyên dương Anh hùng là Thượng sĩ/Trung đội trưởng Công binh thuộc Đại đội 381, Bộ đội địa phương tỉnh An Giang, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Từ năm 1970 đến tháng 4/1975, dù chiến đấu ở chiến trường có nhiều khó khăn ác liệt, nhưng Hà Hồng Hồ luôn thể hiện quyết tâm cao, chiến đấu dũng cảm, mưu trí. Trong các trận đánh ông thường được giao nhiệm vụ ở hướng chủ yếu, dù khó khăn nguy hiểm vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ.</p> <p>Ông đã tham gia chiến đấu hơn 30 trận, diệt gần 100 tên địch, bắt 5 tên, thu 30 súng.</p> <p>Những trận chiến đấu tiêu biểu của Hà Hồng Hồ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 20/11/1974, trong trận đánh đồn Khu 10, huyện Tam Nông; Hà Hồng Hồ chỉ huy mũi tấn công hướng chủ yếu, bí mật vượt qua 6 lớp hàng rào dây thép gai, đánh vào trung tâm; địch chống cự quyết liệt; một số đồng chí bị thương vong, ông cũng bị thương nhưng vẫn tiếp tục dẫn đầu tổ đánh chiếm sở chỉ huy địch. Mũi tiến công của đơn vị bạn chưa vô được, chớp thời cơ thuận lợi ông phát triển chiến đấu sang hướng đó, tạo điều kiện nhanh chóng tiêu diệt gọn đồn. Riêng ông Hồ diệt 10 tên, bắt 1 tên, thu 7 súng. - Ngày 5/12/1974, trong trận đánh Đại đội bảo an lấn chiếm xã Thường Thới Hậu (huyện Hồng Ngự), ông ngấm mình dưới nước nhiều đêm để nghiên cứu tình hình địch. Sau đó, ông trực tiếp chỉ huy một tổ đánh vào hướng chủ yếu. Địch chống cự quyết liệt, các mũi bạn gặp khó khăn không phát triển được, ông bình tĩnh dẫn đầu tổ đánh vào trung tâm, diệt nhiều hỏa điểm địch. Khi hết đạn, ông dũng cảm vật lộn với địch cướp súng chi điện cho các mũi bạn nhanh chóng diệt gọn Đại đội địch, bắt 15 tên, thu 30 súng. <p>Hà Hồng Hồ có tác phong gương mẫu, nghiêm chỉnh chấp hành lệnh cấp trên và làm tốt chính sách tù hàng binh, đoàn kết trên dưới một lòng, được anh em yêu mến, tin tưởng. Hà Hồng Hồ được tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, 2 Huân chương Chiến công hạng Ba, 17 Bằng khen, Giấy khen, 2 lần là chiến sĩ thi đua.</p> <p>Ngày 6/11/1978, Hà Hồng Hồ được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.</p>	Sách Đồng Tháp Nhân vật chí
36	Phan Bội Châu	<p>Ông Phan Bội Châu (1867-1940) hiệu Sào Nam, quê làng Đan Nhiễm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đậu giải Nguyên không ra làm quan, chỉ làm cách mạng cứu dân, cứu nước, từng đi khắp Trung Nam Bắc để tìm đồng chí. Ông qua Trung Hoa và Nhật Bản, lập Đảng Duy Tân, khởi xướng phong trào Đông du đưa thanh niên sang Nhật học. Sau</p>	Sách Đường phổ nội

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
		Nhật thỏa hiệp với Pháp đuổi du học sinh, ông quan Trung Hoa rồi qua Xiêm. Sau khi về Trung Hoa lập Việt Nam Quang Phục hội, bị Pháp bắt tại Thượng Hải đưa về Hà Nội kết án tử hình. Nhờ có Hội nhân quyền ở nước Pháp cũng như đồng bào ở khắp nước đòi ân xá cho ông, Pháp đành đưa ông vào Huế giam lỏng cho đến ngày mất. Ông đã sáng tác nhiều thơ văn đề cổ vũ lòng yêu nước của đồng bào, kêu gọi nhân dân làm cách mạng chống Pháp, ông cũng biên khảo nhiều tác phẩm về triết học Phương Đông rất có giá trị.	thành Thành phố Hồ Chí Minh
37	Phan Chu Trình	Ông Phan Chu Trình (1872-1926) hiệu là Tây Hồ, quê làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, 30 tuổi đậu Phó bảng làm chức Thừa Biện Bộ lễ ở Huế được một năm thì cáo quan về nhà hoạt động cách mạng. Ông hăng say với phong trào Duy Tân, rồi qua Trung Hoa, Nhật Bản gặp nhiều chính khách, sau quay về nước lập trường Đông kinh Nghĩa thực ở Hà Nội. Năm 1908 ở Quảng Nam và các tỉnh Nam Trung Bộ có phong trào dân chúng biểu tình khất sưu, Pháp cho là ông cầm đầu, bắt ông đày ra Côn Đảo. Được Hội nhân quyền Pháp can thiệp, nên ông được trả tự do. Sau ông quan Pháp hoạt động, Năm 1914, thế chiến thứ nhất bùng nổ, Pháp nghi ông làm gián điệp cho Đức, bắt giam nhưng xét không có bằng cứ, phải thả. Năm 1925 ông trở về nước, diễn thuyết ở Sài Gòn rồi mất ở đây. Ông còn để lại nhiều tác phẩm về chính trị và văn chương có giá trị.	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
38	Nguyễn Thái Học	Ông Nguyễn Thái Học (1901-1930), quê làng Thổ Tang, Phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên, nay là Vĩnh Phú, từng học các trường Cao đẳng sư phạm và Cao đẳng Thương mại ở Hà Nội. Khi còn là học sinh ông đã viết thư cho nhà cầm quyền thuộc địa pháp đòi một số yêu sách về chính trị, xã hội, đòi cải cách nền hành chính thuộc địa, đòi tự do ngôn luận. năm 1927, ông thành lập Việt Nam quốc dân Đảng, mô phỏng theo quốc dân Đảng Trung Hoa, chủ trương dùng vũ lực để lật đổ chính quyền bảo hộ, giành độc lập cho Tổ quốc. Ông được bầu làm Đảng trưởng. Do vụ ám sát tên mộ phu đồn điền Bazin, đảng bị lộ, ông bị lùng bắt. Nhiều cơ sở Đảng bị phá, buộc lòng ông phải quyết định khởi nghĩa vào ngày 10/02/1930 tại Yên Bái, Hưng Hóa, Lâm Thao, Hải Dương, Kiến An ... Vì thiếu chuẩn bị, cuộc khởi nghĩa thất bại. Ông bị bắt với nhiều đồng chí và ngày 17/6/1930, ông cùng 12 đồng chí lên đoạn đầu đài tại Yên Bái.	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
39	Nguyễn Hữu Cảnh	Ông Nguyễn Hữu Cảnh, có nơi đọc là Hữu Kính (1650-1700) quê ở Làng Gia Miêu, huyện Tống Sơn, nay là Hà Trung tỉnh Thanh Hóa, theo cha là Nguyễn Hữu Duật vào Nam phò Chúa Nguyễn. Ông từng giữ chức Cai cơ và Chương cơ tước Lễ Thành Hầu, trấn thủ Bình Khang tức Khánh Hòa ngày nay. Năm 1698, ông được Chú Võ vương cử làm Thống suất kinh lược sứ xứ Đồng Nai, lập ra phủ Gia Định. Năm 1700, ông được lệnh đem quan sang kinh ký đất Chân Lạp. Xong công việc ông kéo quân về đến Long Xuyên thì cảm bệnh, về đến Rạch Gầm-Sầm Giang thuộc Định Tường thì mất, được truy tặng Tuốc Tráng Hoàn hầu, rồi Lễ Tài hầu. Mộ và đền thờ ông hiện ở cù lao Phố, Biên Hòa. Tại Long Xuyên và Châu Đốc là hai nơi ông đóng quan cũng có đền thờ.	Sách Đường phố nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
40	Độc Binh Kiều	Ông Độc Binh Kiều, tên thật là Nguyễn Tấn Kiều (? – 1866), gặp lúc giặc Tây chiếm Nam Kỳ, Ông về Gia Định đầu quân chống giặc. Do võ giỏi và có tài tổ chức nên Ông được giao quyền chỉ huy một đội quân dân dũng. Khi Gia Định thành thất thủ, ông mang quân hợp tác với Thiên Hộ Dương, lập căn cứ Bình Cách- Mỹ Quý (Ba Giồng). Ông	Sách Đồng Tháp

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
		<p>được Thiên Hộ Dương phong chức Đô Đốc Kiều và trở thành tham mưu đắc lực của Thiên Hộ.</p> <p>Khi lực lượng Thiên Hộ Dương bị đánh bật ra khỏi căn cứ Bình Cách, Ông đã rút quân về ĐỒNG THÁP MƯỜI tìm nơi lập căn cứ cho cuộc chiến đấu lâu dài.</p> <p>Tháng 6 năm Giáp Tý, Thủ Khoa Huân bị bắt ở An Giang. Qua tháng sau, Trương Định hy sinh ở Gò Công, nghĩa quân rơi vào tình trạng cực kỳ khó khăn. Thiên Hộ Dương quyết định rút vào Đồng Tháp Mười đặt Tổng Hành Dinh tại Gò Tháp, Đốc Binh Kiều được giao nhiệm vụ xây dựng căn cứ.</p> <p>Để bảo vệ Đại đồn ở vòng ngoài có đồn Hữu và đồn Tả. Đồn Tiền nằm trên các con đường dẫn vào Đại đồn.</p> <p>Xong đâu đấy, Đốc Binh Kiều chỉ huy đồn Hữu, chịu trách nhiệm ngăn giặc mặt Xáng Xẻo, Rạch Muồng. Đốc Binh Kiều chủ động kéo quân ra đánh Cai Lậy và nhiều nơi khác nhau. Do thắng nhiều trận oai hùng, uy danh ông làm cho giặc và tay sai khiếp sợ, tinh thần chiến đấu của nghĩa quân ngày một nâng cao, giặc Tây rất căm tức nhưng không sao tiêu diệt được.</p> <p>Về sau, do Việt gian đưa lối chỉ đường, giặc Tây mới đem quân công hãm Tháp Mười. Ở mặt do Đốc Binh Kiều phụ trách, giặc tấn công rất hung hãn, ông chỉ huy nghĩa quân chống trả quyết liệt. Đến chiều, bọn chúng phải chịu lui quân. Đốc Binh Kiều leo lên đài quan sát trực tiếp theo dõi cuộc tháo chạy của giặc, khi hồi hã rút lui, một tên lính Tây bị thương gần đó thấy có người trên đài quan sát, hấn bắn một loạt làm ông trúng đạn. Ông được đưa về Tổng hành dinh ở Gò Tháp để điều trị. Sau đó, vì vết thương quá nặng phải chuyển ông về Giồng Dung chạy chữa. Mấy ngày sau, được tin Tổng Hành Dinh thất thủ, Ông uất lên mà chết.</p> <p>Công lao chống giặc giữ nước của ông luôn được mọi người truyền tụng.</p> <p>Hiện nay, đền thờ chính của Đốc Binh Kiều đặt tại Ấp I, Xã Tân Kiều, Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Hàng năm vào ngày 15- 11 âm lịch, nhân dân địa phương tổ chức cúng giỗ ông theo nghi thức tế lễ truyền thống rất long trọng.</p>	Nhân vật chí
41	Trương Định	<p>Ông Trương Định (1820-1864), quê huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đi lính làm đến chức lãnh binh. Triều đình Huế khi ký hòa ước Nhâm Tuất 1864 nhường ba tỉnh Đông Nam kỳ cho Pháp, ra lệnh rút quân đội ra khỏi ba tỉnh đây. Ông được cử tới An Giang nhưng không tuân lệnh, tiếp tục ở lại lãnh đạo nghĩa quân chống Pháp ở vùng Tân Hòa, Gò Công. Nhân dân suy tôn ông chức Bình Tây Đại Nguyên Soái. Dưới ngọn cờ lãnh đạo của ông, nghĩa quân nổi dậy khắp nơi, gây cho Pháp nhiều thất bại đáng kể. Ông lập căn cứ ở đám là tới trời xã Kiểng Phước, Gò Công. Ngày 20/8/1864, tên phản bội Huỳnh Công Tấn dẫn Pháp đến đột kích căn cứ. Ông bị trọng thương, liền rút gươm tự sát, không để lọt vào tay quân địch. Cái chết của ông để lại sự thương tiếc sâu xa trong các giới đồng bào. Cụ Đồ Chiểu có làm bài thơ văn tế và 12 bài thơ liên hoàn bát cú điệu ông.</p>	Sách Đường phổ nội thành Thành phố Hồ Chí Minh
42	Nguyễn Thái Bình	<p>Ông Nguyễn Thái Bình (1948 - 1972) quê xã Trường Bình, nay thuộc Cần Giuộc, tỉnh Long An. Học rất giỏi sau khi đỗ Tú tài lần lượt thi đậu vào các Trường Đại học Y dược, Đại học nông lâm súc, Học viện Quốc gia hành chánh, nhưng ông chọn ngành nông lâm súc để theo học. Nhờ học giỏi ông được cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ cấp học</p>	Sách Đường phổ nội

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
		bổng sang Hoa Kỳ học tại Đại học Washington. Tại đây ông tham gia các phong trào phản chiến của nhân dân Hoa Kỳ, nên bị cắt học bổng, năm 1972 bị buộc phải về nước. Khi máy bay vừa hạ cánh xuống sân bay Tân Sơn Nhất, ông liền bị bọn tình báo Mỹ cùng đi trên chuyến bay hạ sát. Cái chết của ông gây xúc động lớn trong các tầng lớp đồng bào trong, ngoài nước và dư luận quốc tế.	thành Thành phố Hồ Chí Minh
43	Nguyễn Thế Hữu	<p>Ông Nguyễn Thế Hữu (1927 - 2008) tên khai sinh là Nguyễn Hữu Lương, ở làng Mỹ Lợi, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Đốc Binh Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp), trong một gia đình nông dân.</p> <p>Ông tham gia cách mạng từ tháng 8/1945 tại xã nhà. Từ năm 1946 – 1950, ông là Ủy viên Đoàn Thanh niên Cứu quốc xã, sau đó là cán bộ Thanh niên Cứu quốc huyện Cái Bè và cán bộ Thông tin tuyên truyền huyện Cái Bè.</p> <p>Từ năm 1950 – 1953, ông là cán bộ Kiểm Huấn Ty Thông tin rồi cán bộ Huấn học Tỉnh ủy Mỹ Tho, sau đó ông chuyển về công tác tại huyện Cái Bè với nhiệm vụ Phó ban Thông tin và một thời gian sau ông được bầu vào Huyện ủy Cái Bè và giữ nhiệm vụ Bí thư xã Đốc Binh Kiều (nguyên là ấp Mỹ Đa, xã Mỹ An).</p> <p>Thi hành Hiệp định Genève, ông được phân công ở lại hoạt động tại địa phương và tiếp tục làm Bí thư Chi bộ Đảng xã Đốc Binh Kiều. Năm 1956, ông được điều làm cán bộ nghiên cứu Tôn giáo Tỉnh ủy Mỹ Tho và năm 1957, được phân công trở lại làm Bí thư Chi bộ xã Mỹ An (hai xã Mỹ An và Đốc Binh Kiều nhập lại).</p> <p>Năm 1958, ông được điều qua tỉnh Kiến Phong làm cán bộ Huấn học tỉnh, sau đó làm Phó Bí thư rồi Bí thư Ban cán sự Đảng thị xã Cao Lãnh. Từ năm 1961 - 1963, ông làm Phó Bí thư rồi Bí thư Huyện ủy Cao Lãnh, kiêm Chính trị viên Huyện đội.</p> <p>Năm 1964, ông là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, phụ trách xây dựng cơ sở và phát động quần chúng vùng yếu đấu tranh chống địch. Năm 1965, ông được bổ nhiệm Tỉnh đội phó Tỉnh đội Kiến Phong, phụ trách phong trào nhân dân du kích chiến tranh.</p> <p>Năm 1967, ông được điều động làm Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự, kiêm Chính trị viên Huyện đội. Đến năm 1969, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban An ninh tỉnh Kiến Phong. Năm 1973, ông giữ nhiệm vụ Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Kiến Phong.</p> <p>Sau khi tỉnh Sa Đéc do ta thành lập (gồm thị xã Sa Đéc; các huyện: Châu Thành, Lấp Vò, Lai Vung, Chợ Mới, Mỹ An, Kiến Văn, Cao Lãnh và thị xã Cao Lãnh), ông được bổ nhiệm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Nguyễn Văn Năm (Tám Mai). Ông là người có vinh dự và trọng trách chỉ đạo và điều hành toàn Đảng bộ, quân, dân tỉnh trong cuộc Tổng công kích – Tổng khởi nghĩa tự lực giải phóng tỉnh nhà ngày 30/4/1975 và lãnh đạo các mặt phong trào sau giải phóng.</p> <p>Tháng 02/1976, tỉnh Đồng Tháp được thành lập, ông giữ nhiệm vụ Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Đồng Tháp và đến Đại hội lần IV Đảng bộ tỉnh năm 1986, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.</p> <p>Ở Đại hội Đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (năm 1986), ông được bầu Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng và tiếp tục làm Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp đến lúc về hưu năm 1992.</p> <p>Do có nhiều công lao, cống hiến cho sự nghiệp cách mạng, ông được Đảng và Nhà Nước tặng thưởng nhiều Huân</p>	Sách Đồng Tháp Nhân vật chí

STT	Tên đường	Tóm tắt tiểu sử	Nguồn Tiểu sử
		chương, Huy chương cao quý, trong đó có Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất, Huy hiệu 50 tuổi Đảng. Ông bị bệnh và từ trần năm 2008.	
44	Phan Đình Giót	<p>Anh hùng Liệt sĩ Phan Đình Giót (1922-13/3/1954), Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân (truy phong; 31/3/1955), Khi hy sinh anh là Tiểu đội phó bộ binh Đại đội 58, Tiểu đoàn 428, Trung đoàn 141, Đại đoàn 312, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Huân chương Quân công hạng Nhì.</p> <p>Anh sinh năm 1922 ở làng Tam Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, trong một gia đình rất nghèo. Bố bị chết đói. Anh phải đi ở từ năm 13 tuổi cực nhọc, vất vả. Cách mạng tháng Tám thành công, anh tham gia tự vệ chiến đấu, đến năm 1950, anh xung phong đi bộ đội chủ lực. Trong cuộc sống tập thể quân đội, Phan Đình Giót luôn tự giác gương mẫu về mọi mặt, hết lòng thương yêu giúp đỡ đồng đội, sẵn sàng nhận khó khăn về mình, nhường thuận lợi cho bạn nên được đồng đội mến phục. Phan Đình Giót tham gia nhiều chiến dịch lớn như: Trung Du, Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên Phủ.</p> <p>Mùa đông năm 1953, đơn vị anh được lệnh tham gia chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. Hành quân gần 500 km, vượt qua nhiều đèo dốc, mang vác nặng nhưng đồng chí vẫn kiên trì, giúp đồng đội về tới đích. Trong nhiệm vụ xẻ núi, mở đường, kéo pháo lên đèo xuống dốc vào trận địa rất gay go gian khổ, anh đã nêu cao tinh thần gương mẫu, bền bỉ và động viên anh em kiên quyết chấp hành nghiêm mệnh lệnh của cấp trên.</p> <p>Chiều ngày 13 tháng 3 năm 1954, quân ta nổ súng tiêu diệt Him Lam. Cả trận địa rung chuyển mù mịt sau nhiều loạt pháo ta bắn chuẩn bị.</p> <p>Các chiến sỹ đại đội 58 lao lên mở đường, đã liên tiếp đánh đến quả bộc phá thứ tám. Phan Đình Giót đánh quả thứ chín thì bị thương vào đùi nhưng vẫn xung phong đánh tiếp quả thứ mười. Quân Pháp tập trung hỏa lực trút đạn như mưa xuống trận địa ta. Đồng đội bị thương vong nhiều.</p> <p>Lửa căm thù bốc cao, anh lao lên đánh liên tiếp hai quả nữa phá toang hàng rào cuối cùng, mở thông đường để đồng đội lên đánh sập lô cốt đầu cầu. Lợi dụng thời cơ địch đang hoang mang, Phan Đình Giót vọt lên bám chắc lô cốt số 2, ném thủ pháo, bắn kiểm chế cho đơn vị tiến lên. Anh lại bị thương vào vai, máu chảy đầm đìa. Nhưng bất ngờ từ hỏa điểm lô cốt số 3 của lính Pháp bắn rất mạnh vào đội hình ta. Lực lượng xung kích bị ụp lại, Phan Đình Giót cố gắng lê lên nhích dần đến gần lô cốt số 3 với ý nghĩ cháy bỏng, duy nhất là dập tắt ngay lô cốt này. Anh đã dùng hết sức mình còn lại nâng tiểu liên lên bắn mạnh vào lỗ châu mai, miệng hô to: "Quyết hy sinh... vì Đảng... vì dân!!..." rồi rướn người lấy đà, lao cả thân mình vào bịt kín lỗ châu mai địch. Hỏa điểm lợi hại nhất của quân Pháp đã bị dập tắt, toàn đơn vị ào ạt xông lên như vũ bão, tiêu diệt gọn cứ điểm Him Lam, giành thắng lợi trong trận đánh mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ. Trước khi hy sinh, Phan Đình Giót đã được Tiểu đoàn, Đại đoàn khen thưởng 4 lần.</p>	http://trianlietsi.vn/new-vn/Trang-vang-liet-si/1288/anh-hung-liet-si-phan-dinh-giot.vhtm